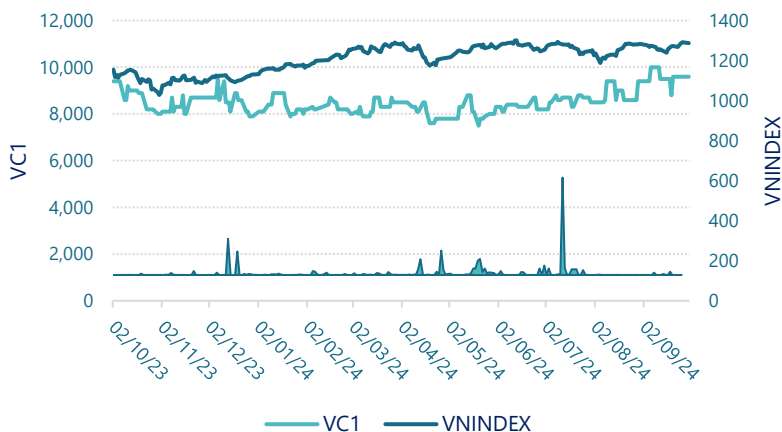




CTCP Xây dựng số 1 (HNX: VC1)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,500
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	260
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	115
P/E	18.1
EPS	532

DT thuần

Q3/24

85.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.8 | -19.6%

YoY: ▲ 55.8 | 190%

LN sau thuế

Q3/24

1.10

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.45 | -28.7%

YoY: ▲ 1.22 | 1020%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

5.1%

+/- YoY: ▼ 3.9%

DT thuần

9T 2024

265

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 171 | 183%

LN sau thuế

9T 2024

3.32

tỷ VNĐ

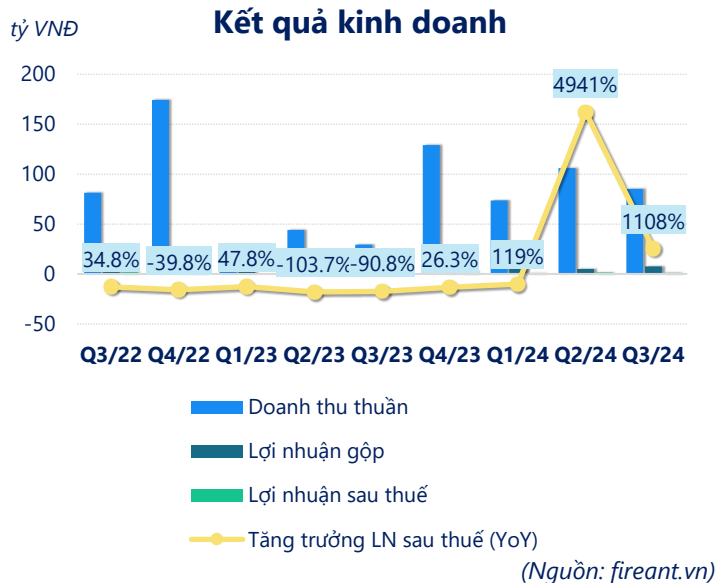
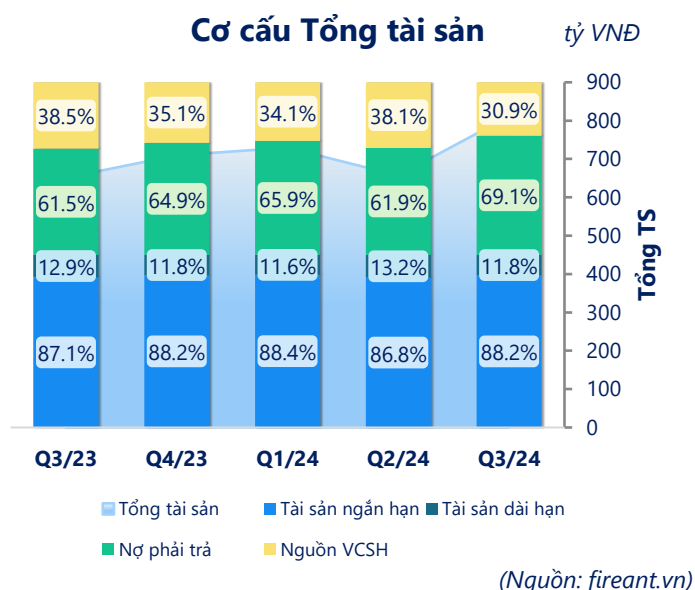
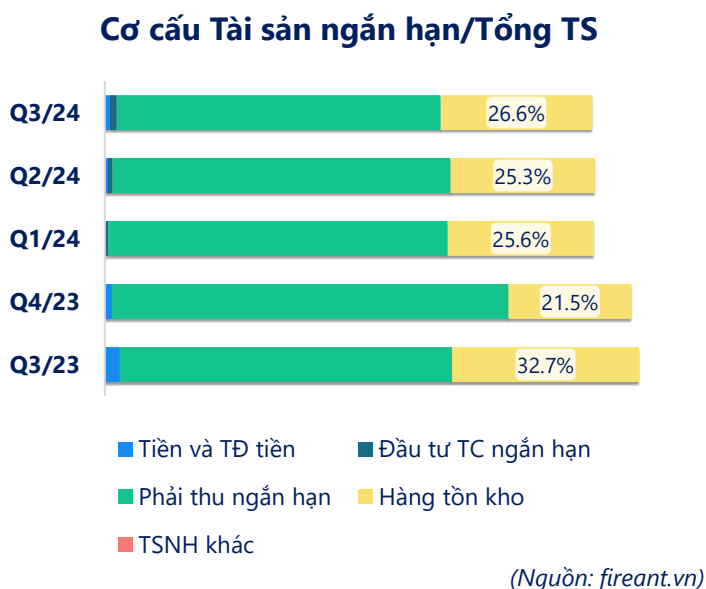
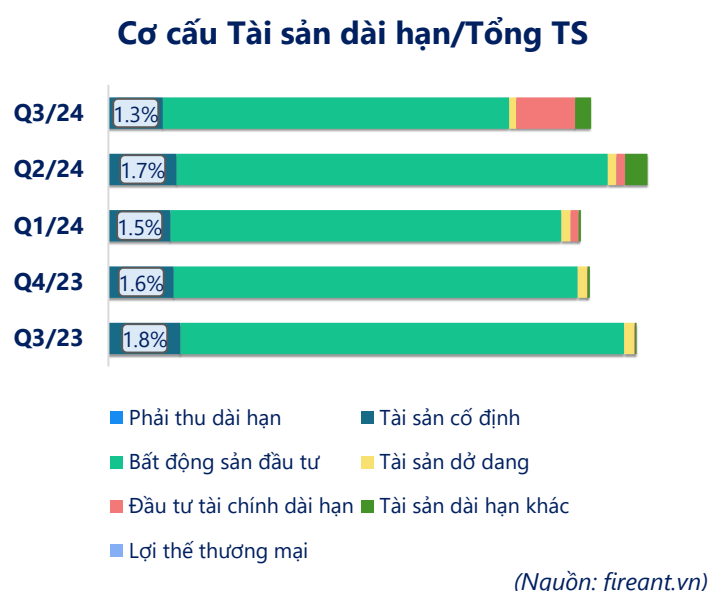
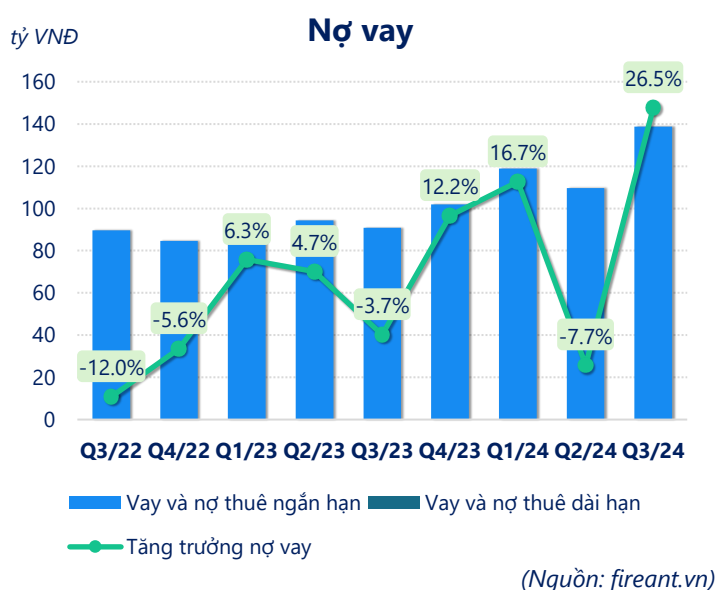
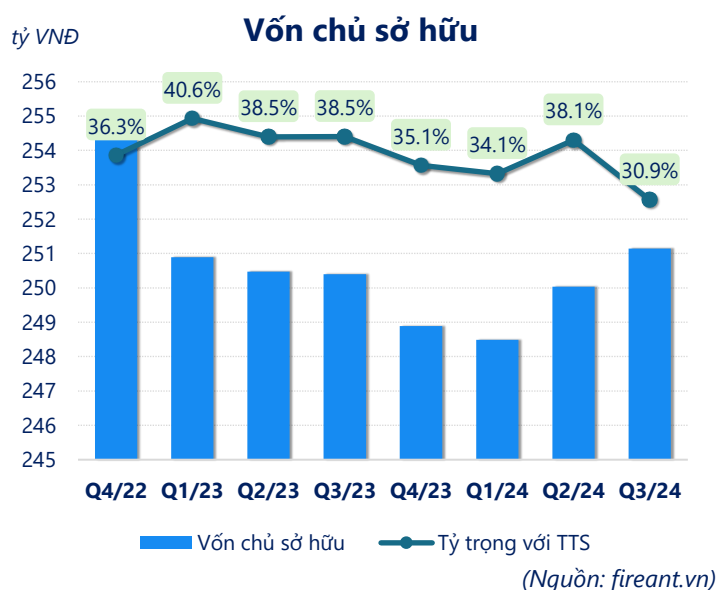
YoY: ▲ 3.78 | 816%

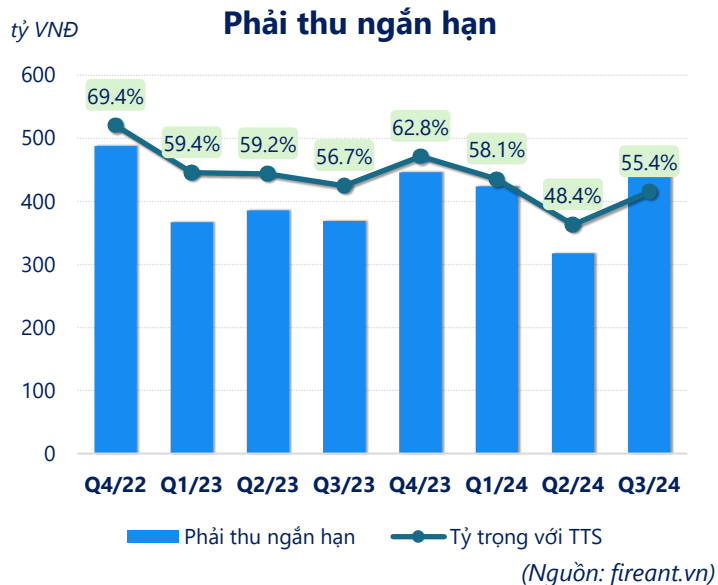
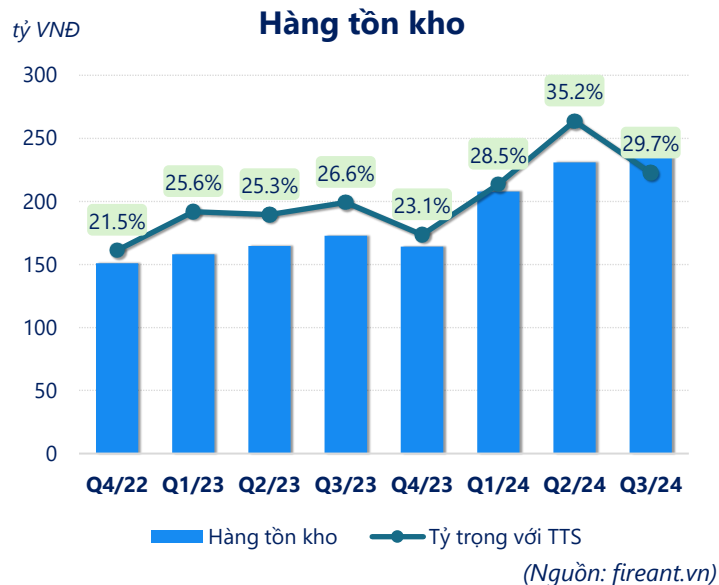
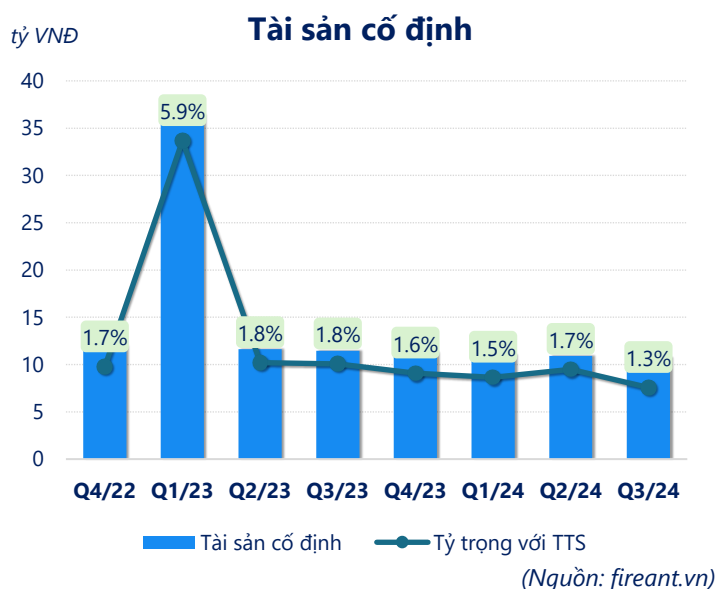
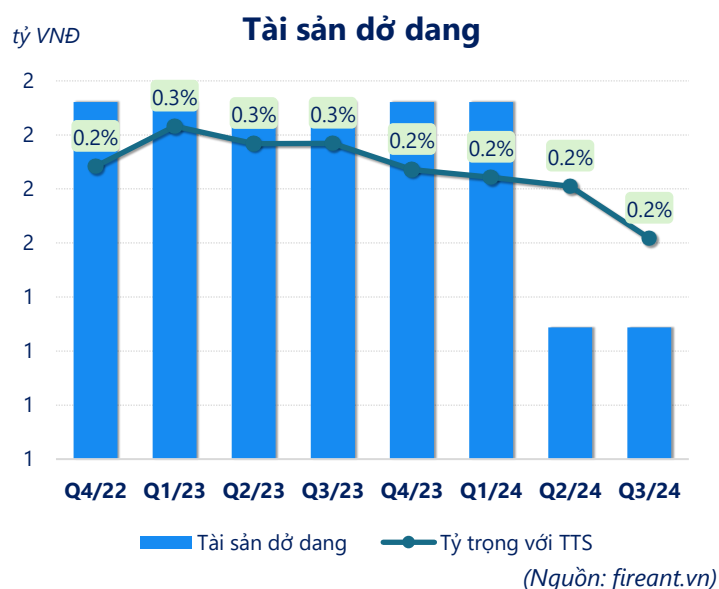
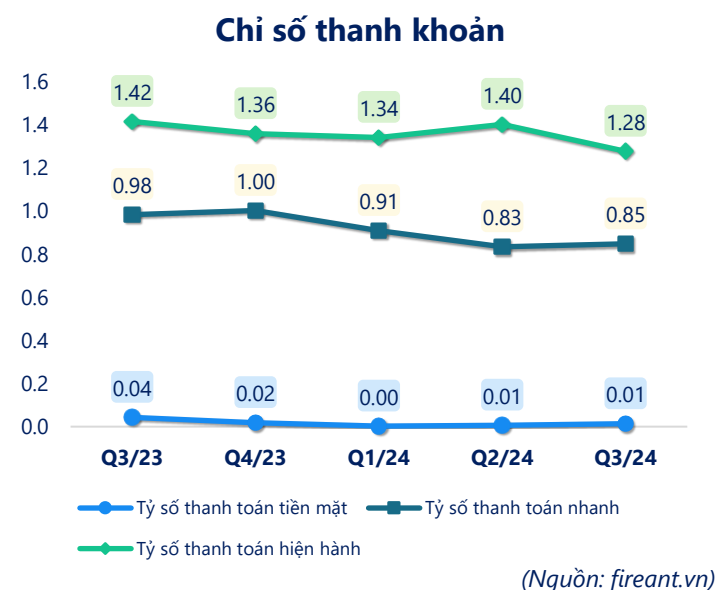
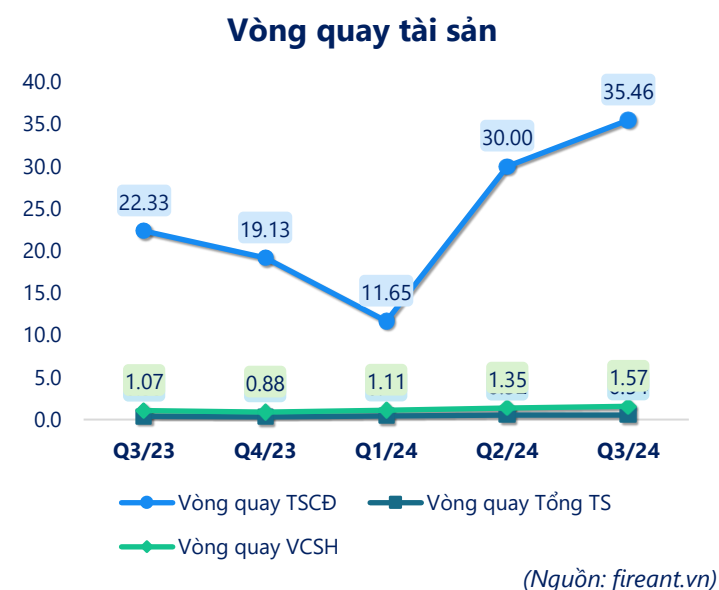
ROE

Q3/24

2.5%

+/- YoY: ▲ 1.1%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	651	710	730	657	812
Tài sản ngắn hạn	567	626	645	570	716
Tiền và tương đương tiền	17.2	8.55	1.15	2.76	7.29
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.79	7.25	12.1	16.8	18.2
Phải thu ngắn hạn	369	446	424	318	449
Hàng tồn kho	173	164	208	231	241
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0.53	1.84	0.07
Tài sản dài hạn	84.2	83.7	84.4	86.7	96.0
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Tài sản cố định	11.5	11.3	11.1	10.9	10.8
Bất động sản đầu tư	70.7	70.3	69.9	69.4	68.9
Tài sản dở dang	1.63	1.63	1.63	1.42	1.42
Đầu tư tài chính dài hạn	0.11	0.11	1.46	1.35	11.7
Tài sản dài hạn khác	0.22	0.40	0.37	3.61	3.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	400	461	481	407	561
Nợ ngắn hạn	400	461	481	407	560
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.8	102	119	110	139
Phải trả người bán ngắn hạn	0	128	105	131	138
Nợ dài hạn	0.24	0.24	0.24	0.24	0.22
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	250	249	248	250	251
Vốn chủ sở hữu	250	249	248	250	251
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)